TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

H, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Số: 07/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc " Ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1987.

- HKTT: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1984.

- HKTT: Xóm 4, thôn P, xã P, TP H, tỉnh H

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Phạm Mỹ A, sinh ngày 26/12/2011.

- HKTT: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh B.

2. Cháu Phạm Chí T, sinh ngày 05/3/2017.

- HKTT: Xóm 4, thôn P, xã P, TP H, tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/01/2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14/01/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1987; HKTT: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh B và anh Phạm Văn V, sinh năm 1984; HKTT: Xóm 4, thôn P, xã P, TP H, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*/- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Mỹ N và anh Phạm Văn V tự nguyện, nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

***/- Về quan hệ con chung:** Chị Trần Thị Mỹ N và anh Phạm Văn V đều khẳng định là có 02 con chung là cháu Phạm Mỹ A, sinh ngày 26/12/2011 và cháu Phạm Chí T, sinh ngày 05/3/2017. Hiện cả hai cháu đang ở với chị N, nếu ly hôn chị N và anh V thống nhất thỏa thuận giao cả hai cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho tới khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng

nuôi con chung cho chị, anh V cũng nhất trí.

Sau khi ly hôn anh V được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác nông nghiệp, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Chị N và anh V đều khẳng định là không có gì, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/- **Về án phí**: Chị N và anh V thống nhất, thỏa thuận là: Chị Trần Thị Mỹ N sẽ nộp toàn bộ 150.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001060 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh H. Trả lại cho chị Trần Thị Mỹ N 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát thành phố;*
- *Chi cục thi hánh án dân sự TP;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã P, TP H;*
- *Lưu hồ sơ.*

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
THẨM PHÁN

Đỗ Quang L